TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **91**/2024/HS-ST
Ngày: 15/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà:* Ông **Nguyễn Lâm Bình**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Hữu Đệ**
2. Bà **Nguyễn Thị Mai**
- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Đăng Hùng-** Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa:* Bà **Dương Thị Hiệp-** Kiểm sát viên

Ngày 15/5/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, TP. Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2024/TLST-HS ngày 15/4/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2024/QĐXXST-HS ngày 04/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Trần Thị C**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn LQ, xã XN, huyện A, TP. Hà Nội; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Đức C và bà Nguyễn Thị L; Có chồng là Nguyễn Hữu L và có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2001; Theo danh chỉ bản số 108 của Công an huyện A lập ngày 25/01/2024 xác định tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ từ ngày **19/01/2024**; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày **25/01/2024**; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

2. Họ tên: **Ngô Văn D**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn LQ, xã XN, huyện A, TP. Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Ngô Văn T (Đã chết) và bà Kiều Thị M; Có vợ là Nguyễn Thị H và có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2006; Theo danh chỉ bản số 110 của Công an huyện A lập ngày 25/01/2024 xác định tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ từ ngày **19/01/2024**; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày **25/01/2024**; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Họ tên: **Nguyễn Hải T**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn LQ, xã XN, huyện A, TP. Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Thế D và bà Nguyễn Thị T (Đều đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị Thu H và có 02 con, lớn

sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2003; Theo danh chỉ bản số 190 của Công an huyện A lập ngày 06/02/2024 xác định tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Họ tên: **Trần Xuân Đ1**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn LQ, xã XN, huyện A, TP. Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trần Đại C và bà Hoàng Thị V (Đều đã chết); Có vợ là Vương Tuyết M và có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2013; Theo danh chỉ bản số 189 của Công an huyện A lập ngày 06/02/2024 xác định tiền án, tiền sự và nhân thân: *Ngày 27/10/2010, Tòa án nhân dân huyện A, TP. Hà Nội xử phạt 05 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án về tội: Đánh bạc*

Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Họ tên: **Lê Minh Đ**, sinh năm 1980; Nơi đăng ký thường trú: Tổ x, thị trấn A, huyện A, TP. Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Thôn LQ, xã XN, huyện A, TP. Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Lê Văn M và bà Trần Thị H; Có vợ là Nguyễn Thị Y và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2007; Theo danh chỉ bản số 109 của Công an huyện A lập ngày 25/01/2024 xác định tiền án, tiền sự và nhân thân: *Ngày 17/12/2010, Tòa án nhân dân huyện A, TP. Hà Nội xử phạt 6.000.000 (Sáu triệu) đồng về tội: Đánh bạc.*

Tạm giữ từ ngày **19/01/2024**; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày **25/01/2024**; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Họ tên: **Trương Thị Q (**Tức **Q)**, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn XC, xã XC, huyện A, TP. Hà Nội; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trương Hữu Q và bà Lê Thị D; Có chồng là Lê Xuân H và có 02 con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2003; Theo danh chỉ bản số 188 của Công an huyện A lập ngày 06/02/2024 xác định tiền án, tiền sự và nhân thân:

- Ngày 30/8/2003, Ủy ban nhân dân xã XC, huyện A, TP. Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Tổ chức đánh bạc.

- Ngày 03/7/2020, Tòa án nhân dân huyện A, TP. Hà Nội xử phạt 08 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án về tội: Đánh bạc.

Tạm giữ, tạm giam: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Họ tên: **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm 1981; Nơi đăng ký thường trú: Tổ y, phường LH, quận Đ, TP. Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Số n, ngõ m, đường L, phường LH, quận Đ, TP. Hà Nội; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn B và bà Nguyễn Thị B; Có chồng là Phạm Văn T và có 02 con, lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2004; Theo danh chỉ bản số 112 của Công an huyện A lập ngày 25/01/2024 xác định tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ từ ngày **19/01/2024**; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày **25/01/2024**; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. Họ tên: **Vũ Văn H**, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn ĐL, xã YP, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Vũ Văn L và bà Nguyễn Thị C; Theo danh chỉ bản số 111 của Công an huyện A lập ngày 25/01/2024 xác định tiền án, tiền sự: Không.

Tạm giữ từ ngày **19/01/2024**; Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ngày **25/01/2024**; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án**: Bà **Chu Thị S** (Tức L), sinh năm 1969. Nơi cư trú: Thôn LQ, xã XN, huyện A, TP. Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau: Hồi 17h00′ ngày 19/01/2024, Tổ công tác của Đội cảnh sát hình sự- Công an huyện A phối hợp với Công an xã XN phát hiện và bắt quả tang tại nhà của Trần Thị C, địa chỉ: Thôn LQ, xã XN, huyện A, TP. Hà Nội các đối tượng gồm: Lê Minh Đ, Nguyễn Thị Hồng N, Ngô Văn D và Vũ Văn H đang đánh bạc ăn tiền dưới hình thức chơi "phỏm". Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa các đối tượng về trụ sở để làm rõ.

Tang vật tạm giữ gồm:

- 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 quân;
- 01 thảm màu hồng;
- 01 hộp nhựa đựng giấy ăn;
- Số tiền 10.660.000 đồng. Trong đó: Tạm giữ tại chiếu bạc 5.940.000 đồng; tiền hồ 720.000 đồng; tạm giữ của Vũ Văn H 4.000.000 đồng.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Khoảng 11h00′ ngày 19/01/2024, Nguyễn Thị Hồng N, Lê Minh Đ, Trương Thị Quí, Trần Xuân Đ1 đến nhà Trần Thị C rồi lên phòng ngủ tầng 2 để đánh bạc ăn tiền dưới hình thức chơi "phỏm". C lấy 02 bộ bài tú lơ khơ rồi đưa cho N, Đ, Q, Đ1. Các đối tượng thống nhất chơi phỏm với hình thức sát phạt 2-4-6: Ai về nhất được ăn của người về thứ nhì 20.000 đồng, người về thứ ba 40.000 đồng, người về thứ tư 60.000 đồng, ai bị ăn cây chốt và bài không có phỏm mất 100.000 đồng; Người nào ù thì thắng của mỗi người còn lại 100.000 đồng; Ai ù tròn (Không còn cây lẻ) thì thắng của mỗi người còn lại 200.000 đồng; Bài có sẵn 3 quân "K" thì những người chơi còn lại mất 100.000 đồng; Bài có sẵn 4 quân K thì những người chơi còn lại mất 200.000 đồng. Mỗi khi bài có người ù, ù tròn, 3 quân K, 4 quân K thì bỏ ra cho C 20.000 đồng. Ban đầu, Q ngồi chéo cánh với Đ1 còn N ngồi chéo cánh với Đ.

Khoảng 12h00′ cùng ngày, Chu Thị S (tức L) đến tham gia đánh bạc cùng và đánh thay chân Đ. Lúc này, C cầm bài đánh hộ Đ1 trong lúc Đ1 đi vệ sinh. Đến khoảng 14h00' thì S nghỉ. Một lúc sau, Vũ Văn H đến, tiếp tục cùng Đ1, N, Q đánh bạc. Đến khoảng 15h10', Nguyễn Hải T đến, tham gia đánh chung bài với Q. Khoảng 16h20′, Q về nên T tiếp tục tham gia đánh bạc.

Khoảng 16h30, Đ quay lại nhà C để tham gia đánh bạc rồi thay chỗ của Đ1. Khoảng 20 phút sau, Ngô Văn D đến và thay vị trí của T do T thua hết tiền.

Các đối tượng D, Đ, N, H ngồi đánh bạc đến 17h00 thì bị cơ quan chức năng phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi và số tiền đánh bạc các đối tượng khai nhận như sau:

- Trần Thị C khai đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình, chuẩn bị 02 bài tú lơ khơ, lấy tấm thảm nhỏ để làm đệm cho người chơi, thu được 720.000 đồng tiền phế. Ngoài ra, C còn tham gia đánh bạc, cầm bài giúp Đ1 02 ván chơi.

- Lê Minh Đ mang theo 400.000 đồng để đánh bạc, tham gia đánh bạc cùng Đ1, N, Q, đến khoảng 12h00’ thì về và bị thua 200.000 đồng. Đến 16h30’ quay lại và mang theo 200.000 đồng tiếp tục tham gia đánh bạc, khi bị bắt quả tang còn lại 100.000 đồng.

- Nguyễn Thị Hồng N mang theo 840.000 đồng để đánh bạc. Khi bị bắt quả tang đang thua 100.000 đồng, còn lại 740.000 đồng.

- Trương Thị Q mang theo 360.000 đồng để đánh bạc, tham gia đánh bạc cùng Đ1, N, Đ, C, H, T, Sinh. Đến 16h20’, Q đi về và để lại cho T 220.000 đồng tiếp tục đánh bạc.

- Trần Xuân Đ1 mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc. Đến 16h30′ nghỉ về nhà, thắng được 80.000 đồng.

- Vũ Văn H mang theo 5.000.000 đồng tham gia đánh bạc. Khi bị bắt quả tang đang thua 500.000 đồng, còn 500.000 đồng bị thu giữ theo biên bản bắt người phạm tội quả tang và bị thu giữ trên người 4.000.000 đồng.

- Ngô Văn D mang theo 2.000.000 đồng để đánh bạc, tham gia đánh bạc cùng N, Đ, H. Khi bị bắt quả tang đang thua 60.000 đồng, còn lại 1.940.000 đồng.

- Nguyễn Hải T khi đi đến tham gia đánh bạc không mang tiền theo, hỗ trợ Q đánh bạc. Đến khoảng 16h20’, Q về trước và để lại cho 220.000 đồng. Đến 16h50′ thua hết và nghỉ.

Tổng số tiền tham gia đánh bạc của Đ1, Q, T từ 10h đến 16h30 ngày 19/01/2024 là **9.940.000** đồng.

Tổng số tiền tham gia đánh bạc của Đ, N, D, H từ 10h00′ đến 17h00 ngày 19/01/2024 là **11.940.000** đồng.

Đối với Chu Thị S mang theo 100.000 đồng tham gia đánh bạc cùng với Đ1, N, Q trong khoảng thời gian từ 12h00 đến 14h00 ngày 19/01/2024, khi nghỉ thắng 100.000 đồng. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc trong thời gian này là **2.500.000** đồng nên hành vi của Chu Thị S chưa đủ yếu tố cấu thành cấu thành tội Đánh bạc. Ngày 14/3/2024, S đã tự nguyện giao nộp lại số tiền 200.000 đồng. Ngày 18/03/2024, Công an huyện A ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng đối với Chu Thị S.

Đối với ông Nguyễn Hữu L (Chồng Trần Thị C), quá trình điều tra xác định không tham gia đánh bạc và không biết các đối tượng đánh bạc tại nhà mình nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

Đối với: 02 bộ bài tú lơ khơ; 01 thảm; 01 hộp nhựa đựng giấy ăn và số tiền 10.860.000 đồng là vật chứng vụ án, chuyển Tòa án chuyển Tòa án nhân dân huyện A giải quyết theo thẩm quyền.

Cáo trạng số 63/CT-VKSĐA ngày 09/4/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện A quyết định truy tố: Các bị cáo Trần Thị C, Lê Minh Đ, Ngô Văn D, Vũ Văn H, Nguyễn Hải T, Trần Xuân Đ1, Nguyễn Thị Hồng N và Trương Thị Q (Tức Q) đều về tội Đánh bạc theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đã ăn năn, hối cải và mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật để có cơ hội cải tạo trở thành người tốt cho xã hội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A giữ quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử,

- Xử phạt:

1. Trần Thị C từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng;

2. Lê Minh Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng;

3. Trần Xuân Đ1 từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng;

4. Trương Thị Q từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng;

5. Vũ Văn H từ 15 tháng đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng;

6. Ngô Văn D từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng.

7. Nguyễn Thị Hồng N từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng;

8. Nguyễn Hải T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng.

- Hình phạt bổ sung: Phạt tiền đối với tất cả các bị cáo, mỗi bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 02 bộ bài tú lơ khơ; 01 thảm; 01 hộp nhựa đựng giấy ăn;

+ Tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước: Toàn bộ số tiền 10.860.000 đồng;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1**] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[**2**] Về hành vi và tội danh của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ khác tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng tang vật vụ án thu được tại nhà bị cáo Trần Thị C. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 11 giờ đến 17 giờ ngày 19/01/2024, bị cáo Trần Thị C có hành vi sử dụng nhà ở của mình tại Thôn LQ, xã XN, huyện A, TP. Hà Nội, chuẩn bị công cụ là thảm, bài, hộp nhựa (Đựng tiền phế) cho các bị cáo Lê Minh Đ, Ngô Văn D, Vũ Văn H, Nguyễn Hải T, Trần Xuân Đ1, Nguyễn Thị Hồng N, Trương Thị Q(Tức Q) và đối tượng Chu Thị S (Tức L) đánh bạc sát phạt bằng tiền dưới hình thức đánh "Phỏm" nhằm thu lời bất chính (Tiền phế) nhưng bị Công an huyện A phát hiện bắt quả tang . Ngoài ra, bị cáo Trần Thị C còn trực tiếp tham gia đánh bạc bằng việc cầm bài giúp bị cáo Trần Xuân Đ1 02 ván chơi. Tổng số tiền Chu Thị S cùng các bị cáo Đ1, N, Q sử dụng đánh bạc trong khoảng thời gian từ 12h00 đến 14h00 là **2.500.000** đồng. Tổng số tiền các bị cáo D, N, H, Đ, C sử dụng để đánh bạc là: **11.940.000** đồng; Tổng số tiền các bị cáo Đ1, Q, T sử dụng để đánh bạc là: **9.940.000** đồng. Số tiền phế bị cáo C được hưởng là **720.000** đồng.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm không chỉ ảnh hưởng đến trật tự công cộng, nếp sống văn hóa mới mà còn xâm phạm đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, trật tự quản lý Nhà nước về lĩnh vực trò chơi có thưởng; Cờ bạc không hợp pháp là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, là tệ nạn xã hội cần bài trừ. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi và hậu quả do hành vi của mình gây ra. Song do thiếu ý thức, tham lam tư lợi và coi thường pháp luật nên vẫn cố tình thực hiện.

Do đó, hành vi của các bị cáo Lê Minh Đ, Ngô Văn D, Vũ Văn H, Nguyễn Hải T, Trần Xuân Đ1, Nguyễn Thị Hồng N, Trương Thị Q(Tức Q) phạm tội Đánh bạc. Hành vi của bị cáo Trần Thị C do chưa đến mức chịu trách nhiệm hình sự về tội Gá bạc nên cũng phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm về tội Đánh bạc như các bị cáo còn lại. Tội phạm và hành phạt quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Nội dung Điều luật quy định:

Điều 321. Tội Đánh bạc

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…"

Việc đưa các bị cáo ra xét xử, có mức hình phạt thỏa đáng nhằm mục đích giáo dục, đồng thời đấu tranh tuyên truyền và phòng ngừa chung là cần thiết.

Đối với hành vi của bà Chu Thị S: Do tổng số tiền cùng các bị cáo Đ1, N, Q sử dụng đánh bạc trong khoảng thời gian từ 12h00 đến 14h00 là **2.500.000** đồng nên chưa đủ yếu tố cấu thành cấu thành tội Đánh bạc. Ngày 18/03/2024, Công an huyện A ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với bà Chu Thị S là đúng quy định pháp luật.

Đối với ông Nguyễn Hữu L (Chồng Trần Thị C) không tham gia đánh bạc và không biết các đối tượng đánh bạc tại nhà mình nên Cơ quan cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

[**3**] Về nhân thân và tiền án, tiền sự của các bị cáo:

- Các bị cáo Lê Minh Đ, Trần Xuân Đ1 từng 01 lần bị kết tội và xử phạt năm 2010; Bị cáo Trương Thị Q từng 01 lần bị kết tội và xử phạt năm 2020, 01 lần bị xử lý hành chính năm 2003. Các bị cáo này đều đã chấp hành xong hình phạt chính, đã nộp án phí và tiền phạt (Hoặc được miễn), án tích xác định đã được xóa. Do đó, các bị cáo này thuộc trường hợp được xác định chưa có tiền án, tiền sự.

- Các bị cáo còn lại đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[**4**] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Bị cáo Nguyễn Hải T thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Gia đình có người thân có công với Cách mạng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

+ Các bị cáo Trần Thị C, Ngô Văn D, Vũ Văn H và Nguyễn Thị Hồng N thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

+ Các bị cáo Lê Minh Đ, Trần Xuân Đ1 thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; Là lao động chính; Gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

+ Bị cáo Trương Thị Q(Tức Q) thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; Là lao động chính, hiện đang chăm sóc chồng bị mắc bệnh hiểm nghèo (Ung thư); Gia đình có người thân có công với Cách mạng nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[**5**] Về hình phạt chính: Khi lượng hình, Tòa án xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo để từ đó cá thể hóa, quyết định hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả hành vi phạm tội, cụ thể:

Xét tổng thể vụ án cho thấy các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng giản đơn, không có tổ chức do có quan hệ nhất định, đa phần là người cùng thôn xã, cùng tiếp nhận ý chí của nhau và cùng nhau thực hiện tội phạm, không có sự phân công, phân nhiệm vai trò cho nhau. Vì vậy, cần cân nhắc mức hình phạt để có tính răn đe và giáo dục chung.

Theo đó, căn cứ vào diễn biến hành vi của từng bị cáo tại từng giai đoạn từ khi chuẩn bị tham gia đánh bạc đến khi bị bắt quả tang; Số tiền các bị cáo mang theo để

đánh bạc, vai trò và hình phạt của từng bị cáo được phân hóa thành 03 nhóm với mức độ như sau:

- Nhóm 1 có vai trò cao nhất trong toàn diện vụ án là các bị cáo Trần Thị C và Vũ Văn H. Bị cáo C là người chuẩn bị địa điểm, công cụ đánh bạc, đồng thời thu tiền phế của các con bạc. Bị cáo H tham gia đánh bạc với số tiền nhiều nhất.

- Nhóm 2 gồm các bị cáo có vai trò thấp hơn (Từ cao xuống thấp), tương ứng với số tiền sử dụng đánh bạc là: Ngô Văn D, Trần Xuân Đ1 và Nguyễn Thị Hồng N.

- Nhóm 3 gồm các bị cáo có vai trò thấp nhất là Lê Minh Đ, Trương Thị Q và Nguyễn Hải T do số tiền sử dụng đánh bạc không lớn.

Nhân thân các bị cáo Lê Minh Đ, Trần Xuân Đ1, Trương Thị Q đã từng có tiền án, tiền sự, tuy nhiên án tích của bị cáo Đ, bị cáo Đ1 đã được xóa một thời gian dài, đến nay mới phạm tội do tự phát. Bị cáo Q tuy án tích đã được xóa một thời gian nhất định nhưng tham gia có mức độ với số tiền thuộc diện thấp nhất, không đáng kể (360.000 đồng). Các bị cáo khác còn lại có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Xém xét tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tổng số tiền dùng để đánh bạc không lớn, việc không cách ly các bị cáo khỏi xã hội cũng không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm nên xử phạt các bị cáo này hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo tương ứng với mức độ phân hóa vai trò ở trên cũng đủ răn đe, giáo dục, thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện kinh tế, nghề nghiệp, thu nhập, khả năng thi hành án và để củng cố tính chất răn đe của hình phạt chính, nhằm ngăn chặn các hành vi tương tự và phòng ngừa chung nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền ở một mức độ phù hợp đối với tất cả các bị cáo.

[**7**] Về vật chứng vụ án: Cần áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 02 bộ bài tú lơ khơ; 01 thảm; 01 hộp nhựa đựng giấy ăn do không còn giá trị sử dụng;

+ Tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước: Toàn bộ số tiền 10.860.000 đồng do sử dụng vào việc đánh bạc.

[**8**] Quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A giữ quyền công tố tại phiên toà về hình phạt chính đối với các bị cáo và xử lý các vấn đề khác liên quan là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[**9**] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[**10**] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo: Trần Thị C, Lê Minh Đ, Ngô Văn D, Vũ Văn H, Nguyễn Hải T, Trần Xuân Đ1, Nguyễn Thị Hồng N và Trương Thị Q(Tức Q) phạm tội: Đánh bạc.

2. Về hình phạt chính:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ **Trần Thị C 15** (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **30** (Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

+ Vũ Văn H 15 (Mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **30** (Ba mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

+ **Ngô Văn D 12** (Mười hai) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **24** (Hai mươi bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

+ **Nguyễn Thị Hồng N 11** (Mười một) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **22** (Hai mươi hai) tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt: **Nguyễn Hải T 07** (Bẩy) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **14** (Mười bốn) tháng, kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 321; Điểm s Kho ản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt:

+ **Trương Thị Q** (Tức **Q**) **09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án.

+ **Lê Minh Đ 09** (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **18** (Mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án.

+ **Trần Xuân Đ1 10** (Mười) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **20** (Hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Trần Thị C, Lê Minh Đ, Ngô Văn D, Nguyễn Hải T và Trần Xuân Đ1 cho Ủy ban nhân dân xã XN, huyện A, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của Bản án.

Giao bị cáo Trương Thị Q (Tức Q) cho Ủy ban nhân dân xã XC, huyện A, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của Bản án.

Giao bị cáo Vũ Văn H cho Ủy ban nhân dân xã YP, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của Bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Hồng N cho Ủy ban nhân dân phường LH, quận Đ, TP. Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của Bản án.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: *Căn cứ Khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự,*

Phạt tiền tất cả các bị cáo, mỗi bị cáo **10.000.000** (Mười triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. **Về xử lý vật chứng**: *Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự;*

- Tịch thu, tiêu hủy: 02 bộ bài tú lơ khơ; 01 thảm; 01 hộp nhựa đựng giấy ăn;

- Tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước số tiền 10.860.000 (Mười triệu, tám trăm sáu mươi nghìn) đồng;

(*Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản; Ủy nhiệm chi ngày 11/4/2024 và Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 12/4/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện A với Chi cục thi hành án dân sự huyện A*).

5. **Về án phí và quyền kháng cáo**:

- Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Mỗi bị cáo phải chịu **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án hoặc quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- *TAND Thành phố Hà Nội;*
- *Sở tư pháp TP. Hà Nội;*
- *VKSND huyện A;*
- *Công an huyện A;*
- *Chi cục THADS huyện A;*
- *Các bị cáo;*
- *UBND xã (phường) nơi cư trú của các bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ./.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lâm Bình

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 06 tháng 3 năm 2018

Tại: phòng nghị án tầng 2 - Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, Thành phố Hà Nội.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Bùi Tiến Trung.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Dương Xuân Đính**

2/ Bà **Ngô Thị Thu Hiền**

Tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2018/TLHS-ST ngày 02 tháng 02 năm 2018 đối với:

Bị cáo **Trần Quang Tịnh**, sinh năm 1979 tại Hà Nội.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1/ Về tội danh: Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3:

Tuyên bố bị cáo **Trần Quang Tịnh** phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2/ Điều luật áp dụng và hình phạt:

Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3 căn cứ vào:

Điều 249, khoản 1, điểm c; Điều 51 khoản 1 điểm s Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Quang Tịnh 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/11/2017.

3/ Các vấn đề khác: Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3:

- Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự

Hội đồng xét xử biểu quyết nhất trí 3/3: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo thi hành án kể từ ngày tuyên án.

- Căn cứ Điều 47 khoản 1 điểm c Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 khoản 2 điểm a Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong có chứa 0,334 gam Hêrôin. (Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 31/01/2018 giữa Công an huyện A và Chi cục thi hành án dân sự huyện A).

- Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331 khoản 1; Điều 332 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21 khoản 1 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cùng danh mục kèm theo.

Bị cáo Trần Quang Tịnh phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Kim Nỗ, huyện A, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bán án đã cho hưởng án treo.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Biên bản nghị án đã được các thành viên Hội đồng xét xử đọc lại, nhất trí 100% (3/3) thông qua./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**